

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ XUYỀN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 278/2022/HNGĐ-ST

Ngày 07/12/2022
V/v Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Long và bà Trần Thị Thảo Yến.

- Ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai, Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 253/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXX ngày 24 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đào Đức C, sinh năm 1968; HKTT: Thôn H, xã B, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị T (Tên gọi khác là Ngô Thị T), sinh năm 1971; HKTT: Thôn H, xã B, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, Hiện đang trú tại: Tổ 1, Ấp 6, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Anh C có mặt, chị T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Đào Đức C trình bày như sau:

Tháng 4 năm 1989, anh kết hôn với chị Phạm Thị T nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi cưới theo phong tục tập quán, cả hai về chung sống với nhau như vợ chồng ngay tại thôn H, xã B, huyện Phú Xuyên. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chị T thường xuyên lể bái, mê tín, chùa chiền làm ảnh hưởng đến đời sống gia đình... Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2009 đến nay không còn liên hệ gì với nhau.

Do tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và thời gian ly thân đã lâu, từ trước đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn...nên anh làm đơn đề nghị Toà án giải quyết để giải phóng cho cả hai.

Con chung: Anh và chị T có hai con chung là Đào Thị V sinh năm 1990 và Đào Thị T sinh năm 1993, đã trưởng thành, phát triển bình thường, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tài sản chung, công nợ chung: Điều không có nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phạm Thị T (Tên gọi khác: Ngô Thị T) trình bày như sau:

Chị T xác nhận chị và anh Đào Đức C kết hôn và bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1990, là hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong làm ăn kinh tế. Vợ chồng chấm dứt tình cảm và sống ly thân nhau từ năm 2009 cho đến nay. Hiện tại chị đang đi tu tại gia tại Tổ 1, ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay anh Chí yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, chị cũng hoàn toàn nhất trí vì tình cảm giữa hai người không còn. Trường hợp Toà án đưa vụ án ra xét xử vụ án thì chị xin được vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh C trình bày. Do các con chung đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Tài sản chung, công nợ chung: Điều không có nên chị cũng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo cung cấp của UBND xã B nơi anh C chị T sinh sống:

Khoảng năm 1989 đến năm 1990, anh Đào Đức C có kết hôn với chị Phạm Thị T, hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không thấy làm thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn H, xã B, huyện Phú Xuyên và đã có với nhau 02 con chung là Đào Thị V và Đào Thị T. Quá trình chung sống đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khiến chị T bỏ đi khỏi nhà anh C, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan hệ gì. Theo cung cấp của gia đình thì hiện chị T đang ở tổ 1, ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh cùng con gái Đào Thị T. Do anh C và chị T không có đăng ký kết hôn, cả hai phía đều xác định tình cảm không còn, không muốn quay về đoàn tụ... nên đề nghị Toà án giải quyết không công nhận chị T anh C là vợ chồng để giải phóng cho hai bên.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được Toà án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 267 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, xử: Không công nhận anh C và chị T là vợ chồng; Do con chung của anh C và chị T đều đã trưởng thành, phát triển bình thường, các bên đều xác định không có tài sản chung và công nợ chung nên vấn đề con cái, tài sản không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do nơi cư trú của Bị đơn thuộc địa bàn huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Anh Đào Đức C và chị Phạm Thị T tự nguyện kết hôn, chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn tại địa phương. Sau tổ chức khi cưới theo phong tục, cả hai về chung sống với nhau như vợ chồng tại thôn H, xã B, huyện Phú Xuyên đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cả hai đã ly thân từ đó đến nay không còn quan hệ gì. Quá trình giải quyết vụ án, anh C, chị T đều thống nhất đề nghị Toà án không công nhận là vợ chồng...

Xét hôn nhân giữa anh C và chị T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài do đã ly thân nhiều năm; qua lời khai của hai bên và xác minh tại chính quyền địa phương xác định anh C và chị T kể từ khi chung sống đến nay đều không làm thủ tục đăng ký kết hôn, vi phạm điều 9 và điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình... Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điều 53 Luật hôn nhân và gia đình xử Không công nhận anh C chị T là vợ chồng.

3. Về con chung: Anh C và chị T có 02 con chung là Đào Thị V, sinh năm 1990 và Đào Thị T, sinh năm 1993, đã trưởng thành, phát triển bình thường, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xét.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình Toà án giải quyết, cả anh C chị T đều thống nhất cả hai không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

5. Về án phí: Anh Đào Đức C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

6. Về quyền kháng cáo: Anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 267 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án xử:

1. Không công nhận anh Đỗ Đức C và chị Phạm Thị T (Tên gọi khác là Ngô Thị T) là vợ chồng.

2. Về con chung: 02 con chung của anh C và chị T là Đào Thị V, sinh năm 1990 và Đào Thị T, sinh năm 1993, đều đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không xét.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh C, Chị T đều xác định không có tài sản và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét,

4. Anh Đào Đức C phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số **AE/2010/0005077 ngày 21/10/2022** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Anh C đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, báo anh Đào Đức C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKSND huyện Phú Xuyên
- Chi cục THA huyện Phú Xuyên
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Phùng Văn Phong

